

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **18** /2022/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày **06** tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHOÁ XIX - KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú số ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BCA-C11 ngày 27 tháng 05 năm 2008 của Bộ Công an hướng dẫn một số điểm về lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 97/BC-KTNS ngày 03 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Lệ phí đăng ký cư trú (đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện):

a) Đối tượng nộp lệ phí: Người đăng ký cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật;

b) Đối tượng được miễn thu: Trẻ em (người dưới 16 tuổi); người thuộc hộ nghèo; người cao tuổi (công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên); người khuyết tật; người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công cách mạng; bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sỹ, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ, con dưới 18 tuổi của thương binh; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; trường hợp đình chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà;

c) *Mức thu lệ phí:**Đơn vị tính: Đồng/lần*

TT	Nội dung	Mức thu lệ phí đối với	
		Phường	Xã, thị trấn
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cho cả hộ hoặc một người	15.000	10.000
2	Gia hạn tạm trú	10.000	5.000
3	Tách hộ	15.000	10.000
4	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	10.000	5.000
5	Xác nhận thông tin về cư trú	10.000	5.000

Việc đăng ký tạm trú theo danh sách, gia hạn tạm trú theo danh sách thì lệ phí đăng ký được tính với từng cá nhân như đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú cho một người.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 3 như sau:

“b) Miễn lệ phí hộ tịch trong những trường hợp sau:

- Đăng ký hộ tịch cho: Trẻ em (Người dưới 16 tuổi); người thuộc hộ nghèo; người cao tuổi (công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên); người khuyết tật; người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công cách mạng; bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sỹ, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ, con dưới 18 tuổi của thương binh; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;

- Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3 như sau:

“4. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Yên Bái (đối với cấp phép do cơ quan địa phương thực hiện)

a) Đối tượng nộp lệ phí: Lao động là người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh Yên Bái (Trừ các đối tượng không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định tại Điều 154 của Bộ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019 và Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định về người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam);

b) *Mức thu lệ phí:**Đơn vị tính: Đồng/giấy phép*

TT	Nội dung	Mức thu
1	Lệ phí cấp lần đầu giấy phép lao động	600.000
2	Lệ phí cấp lại giấy phép lao động	450.000
3	Lệ phí gia hạn giấy phép lao động	450.000

Điều 2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khoá XIX - Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận: *HL*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Tạ Văn Long

